

Số: /BC-STC
V/v báo cáo kết quả thực hiện
công tác CCHC Quý I/2022

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình

Căn cứ công văn số 371/SNV-CCHC ngày 03/3/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn chế độ báo cáo CCHC định kỳ, Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý I năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính (CCHC)

Căn cứ Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2022, ngày 28/12/2021, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 4868/KH-STC về thực hiện công tác CCHC của Sở năm 2022.

Sở đã chỉ đạo bố trí công chức làm đầu mối CCHC để thực hiện nhiệm vụ, theo dõi, tham mưu công tác CCHC theo quy định. Nghiêm túc tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, Sở về công tác CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) tới toàn thể công chức, viên chức và người lao động.

Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm đã được xác định tại Kế hoạch số 4868/KH-STC, Sở đã phân công trách nhiệm và chỉ đạo các phòng, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ để phối hợp với Văn phòng tổ chức thực hiện. Các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra trong Quý I, Sở đã thực hiện và hoàn thành 100%.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, trong Quý I năm 2022, Sở Tài chính đã ban hành các văn bản sau¹:

2. Về kiểm tra công tác CCHC

Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 16/KH-STC ngày 15/01/2022 về kiểm tra CCHC năm 2022, theo đó việc kiểm tra công tác CCHC được thực hiện 5/8 phòng, đơn vị thuộc Sở trong quý III, IV năm 2022. Quý I/2022, Sở không có đơn thư khiếu nại về công tác CCHC; không có đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với CBCCVC của Sở.

¹ Kế hoạch số 4778/KH-STC về CCHC giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 4868/KH-STC về CCHC năm 2022; Kế hoạch số 18/KH-STC ngày 15/01/2022 về tuyên truyền CCHC năm 2022; Kế hoạch số 16/KH-STC ngày 15/01/2022 về kiểm tra CCHC năm 2022; Kế hoạch số 183/KH-STC ngày 18/01/2022 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; Kế hoạch số 136/KH-STC ngày 17/01/2022 về công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2022; Kế hoạch số 369/KH-STC ngày 28/01/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Kế hoạch số 152/KH-STC ngày 17/01/2022 về công tác pháp chế năm 2022.

3. Về công tác tuyên truyền CCHC

Sở đã ban hành Kế hoạch số 18/KH-STC ngày 15/01/2022 về tuyên truyền CCHC năm 2022.

Việc triển khai công tác tuyên truyền CCHC được thông qua các cuộc họp giao ban cốt cán, buổi sinh hoạt chi bộ... Cập nhật thường xuyên các TTHC mới ban hành, các báo cáo thực hiện công tác CCHC, báo cáo về tình hình, kết quả giải quyết TTHC và công tác kiểm soát TTHC... trên trang thông tin điện tử của Sở nhằm phổ biến, tuyên truyền cho toàn thể CBCCVC và người lao động trong cơ quan được biết và thực hiện các chỉ đạo theo đúng quy định trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL:

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật. Quý I/2022, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 01 văn bản QPPL², góp ý 07 dự thảo văn bản QPPL.

Công tác tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL được Sở thực hiện đúng quy trình, quy định. Văn bản được ban hành đúng căn cứ pháp lý; đúng thẩm quyền; nội dung của các văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương.

b) Tình hình triển khai rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát: Sở đã ban hành Kế hoạch số 136/KH-STC ngày 17/01/2022 về công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2022. Công tác rà soát hệ thống VBQPPL được Sở thực hiện thường xuyên, chưa phát hiện văn bản nào trái luật, không đảm bảo quy định.

c) Việc triển khai các văn bản QPPL của Trung ương, UBND tỉnh ban hành trên các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành: Sở Tài chính nghiêm túc triển khai các văn bản QPPL của Trung ương, UBND tỉnh tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

d) Phổ biến, giáo dục pháp luật: Sở đã chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức khác nhau để kịp thời phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành, các văn bản liên quan thiết thực đến nhiệm vụ chính trị của cơ quan và đời sống của cán bộ, đặc biệt đã kịp thời tuyên truyền các văn bản, biện pháp phòng, chống dịch Covid-19

² Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 về Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Về rà soát TTHC:

Đẩy mạnh triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát TTHC tại cơ quan, Sở đã ban hành văn bản chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở tập trung kiểm tra, rà soát các TTHC thuộc phạm vi, đối tượng quản lý chuyên ngành của Sở Tài chính mà liên quan đến người dân. Đánh giá sự cần thiết, tính hợp pháp, hợp lý và hiệu quả của các TTHC, xác định chi phí tuân thủ TTHC và thực hiện cắt giảm tối đa TTHC.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:

Hiện nay, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính: 24 TTHC (01 TTHC đặc thù). Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và Phòng TC-KH cấp huyện do Sở Tài chính tham mưu công bố: 19 TTHC.

Tất cả các TTHC được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở, trên cổng dịch vụ công của tỉnh và tại Bộ phận “tiếp nhận và trả kết quả” của cơ quan.

Việc niêm yết các TTHC được Sở thực hiện nghiêm túc: Công khai về trình tự, thời gian xử lý, lệ phí, thành phần hồ sơ, cơ sở pháp lý thực hiện TTHC... tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân tìm hiểu, thực hiện thủ tục nhanh chóng

Việc công khai địa chỉ, số điện thoại, hộp thư và kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC tại cơ quan thực hiện đảm bảo đúng theo quy định.

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Sở đã chỉ đạo triển khai cập nhật 100% hồ sơ TTHC lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử, tổ chức triển khai hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo đúng mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục theo dõi, tham gia đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân trên phần mềm hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.

Quý I/2022, Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh công bố 02 quyết định phê duyệt 16 quy trình dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (cấp tỉnh: 04 quy trình; cấp huyện: 12 quy trình).

Quý I/2022, Sở đã thực hiện số hóa 100% hồ sơ TTHC đối với 03 TTHC có phát sinh hồ sơ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Sở đang thực hiện rà soát, sắp xếp lại chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28/01/2022 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương

thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Về quản lý và sử dụng biên chế: Sở thực hiện đúng các quy định về quản lý và sử dụng biên chế theo quy định. Đến thời điểm báo cáo, Sở có 47 công chức, 17 viên chức, 05 lao động theo Nghị định 161.

Về thực hiện quy chế làm việc: Sở luôn thực hiện đúng quy chế làm việc của tỉnh và của Sở ban hành tại Quyết định số 46/QĐ-STC ngày 09/3/2021 về việc ban hành quy chế làm việc của Sở Tài chính.

Về thực hiện phân cấp quản lý: Sở Tài chính thực hiện đúng các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức; các quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

4. Cải cách chế độ công vụ

Căn cứ các quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh, Quý I/2022, Sở đã hoàn thiện các quy trình, thủ tục hồ sơ cán bộ để UBND tỉnh điều động, bổ nhiệm cán bộ của Sở đến làm việc tại Văn phòng UBND tỉnh giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng.

Các chế độ, chính sách đối với CBCCVC và người lao động được thực hiện theo quy định: hoàn thành đánh giá công chức, viên chức năm 2021; nâng bậc lương thường xuyên: 11 công chức; xét nâng bậc lương trước thời hạn: 02 công chức; nâng phụ cấp thâm niên nghề Thanh tra: 03 công chức; nâng phụ cấp vượt khung: 01 công chức.

Nhằm tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, Sở tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chương trình công tác số 08-CTr/TU ngày 22/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phòng, chống tham nhũng. Chỉ đạo các phòng, đơn vị thực hiện Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh quy định quy tắc ứng xử của CBCCVC và người lao động làm việc. Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của CBCCVC và người lao động theo Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17/01/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, xiết chặt kỷ cương hành chính trong CBCCVC và người lao động; Chỉ thị số 01/2008/CT-UBND ngày 17/3/2008 của UBND tỉnh về nâng cao trách nhiệm và sử dụng có hiệu quả thời gian làm việc của CBCCVC và người lao động.

5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc cơ chế tự chủ, luôn đề cao tinh thần tiết kiệm, sử dụng ngân sách có hiệu quả, đúng mục đích theo tinh thần của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Việc mua sắm tài sản nhà nước đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Thực hiện công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 của Sở Tài chính theo đúng quy định của Luật ngân sách.

Giám sát, kiểm tra thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đúng theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Ứng dụng công nghệ thông tin

Ban hành Kế hoạch số 4449/STC-TT ngày 06/12/2021 về ứng dụng công nghệ thông tin năm 2022. Việc triển khai ứng dụng CNTT vào hoạt động của cơ quan được Sở thực hiện ở mức độ cao. 100% văn bản đến và hồ sơ công việc được xử lý trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng (trừ các văn bản mật theo quy định).

Xây dựng CSDL quốc gia tài chính trên cơ sở từng bước xây dựng các hệ thống CSDL chuyên ngành đảm bảo khả năng cung cấp và trao đổi dữ liệu nhất quán.

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường, nâng cao hiệu quả khai thác các phần mềm ứng dụng CNTT vào trong công việc, tăng cường sử dụng: hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thông tin báo cáo định kỳ về tình hình KT-XH phục vụ sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh; hệ thống thư điện tử công vụ; sử dụng chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp trong việc ký số văn bản để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng, hệ thống thông tin điện tử một cửa điện tử của tỉnh...

Tiếp tục nâng cao cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC. Hiện tại, tỷ lệ DVCTT mức độ 4 do Sở Tài chính ban hành, cung cấp đạt tỷ lệ 55%.

Trang thông tin điện tử của Sở luôn thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời tin tức và cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phục vụ cho việc khai thác thông tin của tổ chức cá nhân.

b) Áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Tiếp tục phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ về việc áp dụng, chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

Nhìn chung công tác CCHC Quý I/2022 của Sở đã được các phòng và đơn vị thuộc Sở chủ động thực hiện theo đúng kế hoạch. Các TTHC được duy trì nghiêm yết theo đúng quy định; công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL và TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được thực hiện nghiêm túc; công tác tài chính công được công khai, minh bạch; việc sử dụng ứng dụng CNTT phục vụ cho công việc ngày càng hiệu quả.

2. Những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện CCHC

Việc sử dụng hòm thư công vụ trong cơ quan, đơn vị còn hạn chế, do thói quen của công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hòm thư điện tử gmail.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2022

1. Tiếp tục duy trì thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Sở.
2. Thực hiện có hiệu quả Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, trong quản lý tài chính công. Thực hiện tốt Nghị định của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.
3. Triển khai thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 1582/KH-UBND ngày 04/9/2020 về số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2020 - 2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp và Chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế-xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 1107/KH-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và các văn bản pháp luật, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Văn phòng UBND tỉnh về công tác cải cách TTHC.
4. Tăng cường sử dụng thư điện tử công vụ trong quá trình trao đổi, giải quyết công việc; tích cực nâng cao tỷ lệ văn bản đi sử dụng chữ ký số; thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về công tác CCHC lên Trang thông tin điện tử của Sở.
5. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác xây dựng, góp ý, thẩm định, rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Sở phụ trách.

(Kèm theo các Biểu mẫu).

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC Quý I/2022 và phương hướng, nhiệm vụ Quý II/2022, Sở Tài chính báo cáo Sở Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT; VP.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Mạnh Cường

BIỂU MẪU 1
Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	8
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC (Quý I/2022)	%	
2.1.	Số nhiệm vụ trong Kế hoạch	Nhiệm vụ	5
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	100%
3.	Kiểm tra CCHC		0
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	
3.3.2.	Số vấn đề đã xử lý xong	Vấn đề	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy		0
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	
4.2.	Số cơ quan, đơn vị đã hoàn thành kết luận thanh tra	%	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		
5.1.	Số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	26
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	10
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0
5.4.	Số nhiệm vụ đã quá hạn chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có=1; Không=0	1
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	5
6.2.	Hình thức khảo sát		Phát phiếu trực tiếp
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0

BIỂU MẪU 2
Cải cách thể chế

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành	Văn bản	1
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	1
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	1
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0
3.	Rà soát VBQPPL		
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	1
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0

BIỂU MẪU 3
Cải cách thủ tục hành chính

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Thống kê thủ tục hành chính (TTHC)		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	43
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>24</i>
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>19</i>
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>0</i>
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	23
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	13
3.	Kết quả giải quyết TTHC		
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>160</i>
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>160</i>
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	

BIỂU MẪU 4
Cải cách tổ chức bộ máy

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy		
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	1
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	
2.	Biên chế công chức		
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	51
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	47
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại đơn vị sự nghiệp công lập		
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	10
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	10
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10%

BIỂU MẪU 5**Cải cách chế độ công vụ***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Vị trí việc làm công chức, viên chức		
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0
3.	Số lượng lãnh đạo, quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (từ đầu năm đến nay)		0
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0

BIỂU MẪU 6**Cải cách tài chính công***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	1
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	1
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0

BIỂU MẪU 7**Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2022 của Sở Tài chính)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành=1	0
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	0
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100%
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành=2	1
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100%
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	%	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100%
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh		
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100%
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến	%	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
	mức độ 3		
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	55%
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	13
6.5.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	13
6.5.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	1
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	93%
6.6.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	13
6.6.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	13
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	93%
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	160
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	150
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	4%
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	1
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	0